TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2019/DS-PT
Ngày: 24-9-2019
V/v "Tranh chấp bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực đấu thầu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Văn Viên

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

Ông Huỳnh Đắc Đương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thanh Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ái Minh - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 76/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực đấu thầu"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2018/DSST ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 257/2019/QĐXX-PT ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1956 – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân A.

Địa chỉ: Số 203/11, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1980, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2018). (Có mặt).

Địa chỉ: Số 79/34, đường B, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư: Nguyễn Văn D – Văn phòng Luật sư G, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Sở G tỉnh Trà Vinh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Bạch V – Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Tăng Phương Q, đại diện theo ủy

quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/9/2019) (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm thể hiện:

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Ông Nguyễn Văn B là chủ Doanh nghiệp tư nhân A. Ngày 06/7/2016, Doanh nghiệp tư nhân A có tham gia đấu thầu gói thầu số 7 – Thi công xây dựng hạng mục hàng rào, cổng, nhà trực bảo vệ, sân đường nội bộ, nhà xe học sinh – Trường Trung học Phổ thông N, huyện C, tỉnh Trà Vinh do Sở G tỉnh Trà Vinh là chủ đầu tư.

Ngày 06/9/2016, Sở G tỉnh Trà Vinh có Thông báo số: 929/SGDĐT nói về lý do Doanh nghiệp A bị loại thầu với là do không đáp ứng nguồn lực tài chính vì 02 sổ tiết kiệm của Doanh nghiệp tư nhân A đã hết hạn vào ngày 03/7/2016 trước ngày mở thầu là ngày 06/7/2016. Ông Nguyễn Văn B là chủ Doanh nghiệp tư nhân A không đồng ý với lý do này vì hai sổ tiết kiệm của Doanh nghiệp vẫn còn giá trị đến thời điểm đóng thầu, ngày 03/7/2016 chỉ là ngày đáo hạn sổ tiết kiệm chứ không phải là ngày hết hạn của sổ tiết kiệm. Do đó ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu Sở G tỉnh Trà Vinh phải bồi thường thiệt hại cho ông số tiền 200.000.000 đồng vì đã làm sai quy định pháp luật dẫn đến loại hồ sơ đấu thầu của Doanh nghiệp tư nhân A gây thiệt hại cho ông các khoản như sau:

1. Số tiền 20.000.000 đồng cho các chi phí như: Tiền mua hồ sơ mời thầu, tiền làm thư bảo lãnh dự thầu, tiền sao y chứng thực, tiền làm xác nhận tài chính tại Ngân hàng, tiền thuê cán bộ làm hồ sơ dự thầu và xem xét hồ sơ trước khi đi dự thầu.

2. Số tiền 180.000.000 đồng cho các thiệt hại gồm:

- Khi Doanh nghiệp tư nhân A trúng gói thầu này thì Doanh nghiệp sẽ có được một hợp đồng kinh tế để có thể sử dụng hợp đồng đó, để làm hồ sơ năng lực trong việc tham gia đấu thầu cho những gói thầu khác, trong suốt thời gian sau, cho nên việc bị loại gói thầu này sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của Doanh nghiệp cho những gói thầu sau này.

- Những lao lực về tinh thần để theo đuổi vụ việc qua các cấp khác nhau từ những đơn kiến nghị gửi đến Chủ đầu tư, gửi kiến nghị đến Sở Kế hoạch Đầu tư, gửi kiến nghị đến Ủy ban nhân dân tỉnh, gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và Tòa án nhân dân T.

- Nếu được trúng gói thầu này Doanh nghiệp sẽ có một khoản lợi nhuận dự kiến là 270.000.000 đồng nhưng vì chủ đầu tư đánh giá Doanh nghiệp rớt thầu nên Doanh nghiệp đã bị mất đi khoản lợi nhuận dự tính.

Ông Tăng Phương Q là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Sở G tỉnh Trà Vinh có thực hiện việc mời thầu thuộc gói thầu số 07–Thi công xây dựng hạng mục hàng rào, cổng, nhà trực bảo vệ, sân đường nội bộ, nhà xe học sinh – Trường Trung học Phổ thông N, huyện C do sở G tỉnh Trà Vinh làm chủ đầu tư. Mở thầu ngày 06/7/2016, thông báo kết quả thầu ngày 06/9/2016. Tư vấn lựa chọn nhà thầu là Ban Quản lý Dự án D tỉnh Trà Vinh, tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và báo cáo kết quả xét thầu là công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên tư vấn thiết kế H.

Sau khi mở thầu, Sở G tỉnh Trà Vinh đã có Văn bản số: 929/SGDĐT ngày 30/9/2016, trả lời rõ cho Doanh nghiệp tư nhân A lý do không được lựa chọn là do không đáp ứng đủ năng lực về tài chính.

Đối với phần chứng minh năng lực tài chính của Doanh nghiệp tư nhân A trong hồ sơ dự thầu: Bản chụp (photo) hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng S ngày 11/4/2016 số tiền 650.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng từ ngày 11/4/2016 đến hạn ngày 11/10/2016; Bản chụp của 02 sổ tiết kiệm số sổ 0014992 và 0014993 tại Ngân hàng V, mỗi sổ có giá trị 400.000.000 đồng, hai sổ cùng ngày đáo hạn vào ngày 03/7/2016 và cả hai sổ đều không có xác nhận đáo hạn của Ngân hàng cho đến thời điểm mở thầu ngày 06/7/2016.

Ngày 08/7/2016, nhà thầu có bổ sung hồ sơ dự thầu về năng lực tài chính bằng Văn bản số: 24/TB-CNVL02 ngày 07/7/2016 của Ngân hàng V về việc chấp thuận cho vay có điều kiện giá trị khoản vay là 1.000.000.000 đồng. Trong hồ sơ nộp bổ sung ngày 08/7/2016, nhà thầu không có tài liệu nào liên quan đến bản chụp 2 sổ tiết kiệm chưa xác nhận đáo hạn nêu trên. Bên mời thầu xác định 2 sổ tiết kiệm cùng ngày đáo hạn vào ngày 03/7/2016 đều không có xác nhận đáo hạn của Ngân hàng, nên không được xem là tài liệu, chứng minh năng lực tài chính của nhà thầu tại thời điểm mở thầu ngày 06/7/2016. Trong thời gian quy định nhà thầu không có tài liệu làm rõ nào liên quan xác nhận đáo hạn của 2 sổ tiết kiệm nêu trên nên bên mời thầu dựa vào tài liệu của hồ sơ dự thầu để đánh giá là đúng qui định.

Đối với Văn bản số: 24/TB-CNVL02 ngày 07/7/2016 của Ngân hàng V là tài liệu do nhà thầu với tổ chức tín dụng xác lập sau thời điểm mở thầu, mục đích bổ sung tài liệu mới về hồ sơ năng lực cho hồ sơ dự thầu, sau khi nhà thầu có được thông tin công bố công khai trong lễ mở thầu. Bên mời thầu áp dụng khoản 1, 2, 3 Điều 16 Nghị định số: 63/2014/NĐ-CP, xét thấy tài liệu bổ sung của nhà thầu có thời gian xác lập không hợp lệ (Sau khi mở thầu), đồng thời làm thay đổi cơ bản hồ sơ dự thầu của nhà thầu, do đó tài liệu bổ sung không được chấp nhận là một phần của hồ sơ dự thầu.

Sở G tỉnh Trà Vinh nhận thấy quá trình lựa chọn nhà thầu của gói thầu nêu trên được các tổ chức tư vấn và tổ chuyên gia đã phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu theo đúng trình tự, tuân thủ các quy định về đấu thầu.Về trách nhiệm của bên mời thầu, Sở G tỉnh Trà Vinh đã trả lời kiến nghị cho nhà thầu rõ ràng và đúng qui định, đồng thời có báo cáo kết quả xử lý với Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh. Thanh tra Nhà nước đã tiếp nhận hồ sơ kiểm tra toàn bộ việc thực hiện dự án (Trong đó có nội dung lựa chọn nhà thầu của gói thầu này), trong đợt thanh tra toàn diện Sở G tỉnh Trà Vinh từ tháng 04/2017 đến tháng

8/2017 kết luận thanh tra không đề cập nội dung liên quan khiếu kiện của nhà thầu. Từ các nhận định nêu trên phía bị đơn không đồng ý với việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2018/DSST ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân T đã xử:

" Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584 Bộ luật dân sự; Điều 93 Luật Đấu thầu, Điều 124 Nghị định số 63/2014/NĐ – CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu bị đơn Sở G tỉnh Trà Vinh bồi thường thiệt hại số tiền 200.000.000 đồng.

Miễn án phí cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn B.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014337 ngày 08/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự T.

..."

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/01/2019, ông Nguyễn Văn B có Đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2018/DSST ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân T.

Những vấn đề cụ thể người kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Xem xét, giải quyết lại toàn bộ hồ sơ vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn B.

Tại phiên tòa hôm nay,

- Bà Đinh Thị H – Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B – Chủ Doanh nghiệp tư nhân A yêu cầu: Sở G tỉnh Trà Vinh bồi thường thiệt hại 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

- Ông Tăng Phương Q – Đại diện theo ủy quyền của Sở G tỉnh Trà Vinh không đồng ý yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Văn B - Doanh nghiệp tư nhân A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng, thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn B là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2018/DSST ngày

28/12/2018 của Tòa án nhân dân T về phần tuyên buộc ông Nguyễn Văn B – Chủ Doanh nghiệp tư nhân A phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn B kháng cáo là trong thời gian luật định, tuy nhiên, do cấp sơ thẩm không thông báo cho ông B nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Đến ngày 29/5/2019, Tòa án nhân dân T thông báo cho ông B nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Lý do ông Nguyễn Văn B nộp tiền tạm ứng án phí trễ hạn là do lỗi của Tòa án nhân dân T. Ngày 03/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số: 06/2019/QĐ-PT về việc chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông Nguyễn Văn B. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Ông Nguyễn Văn B có Đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm: Xem xét, giải quyết lại toàn bộ hồ sơ vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn B

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

[4]. Sở G tỉnh Trà Vinh là chủ đầu tư gói thầu xây dựng hạng mục hàng rào, cổng, nhà trực bảo vệ, sân đường nội bộ, nhà xe học sinh – Trường Trung học Phổ thông N, huyện C. Do đó, Sở G tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền đánh giá và lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực kỹ thuật, kinh nghiệm thực hiện công trình và có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu. Khi tham gia dự thầu, Doanh nghiệp tư nhân A chứng minh năng lực tài chính của nhà thầu gồm: Bản photocopy hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng S ngày 11/4/2016 số tiền 650.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng từ ngày 11/4/2016 đến hạn ngày 11/10/2016; Bản photocopy 02 sổ tiết kiệm số sổ 0014992 và 0014993 tại Ngân hàng V, mỗi sổ có giá trị 400.000.000 đồng, hai sổ cùng ngày đáo hạn vào ngày 03/7/2016, tổng cộng số tiền Doanh nghiệp tư nhân A chứng minh cho năng lực tài chính của mình đáp ứng yêu cầu tài chính của hồ sơ dự thầu là 1.450.000.000đ. Trong các tài liệu nêu trên Doanh nghiệp tư nhân A có cung cấp bản photo 02 sổ tiết kiệm số sổ 0014992 và 0014993 tại Ngân hàng V, cả hai sổ cùng ngày đáo hạn vào ngày 03/7/2016 nhưng không có căn cứ thể hiện số tiền gửi này được lập sổ tiết kiệm gửi tiếp tục, hay xác nhận của Ngân hàng bảo lãnh Doanh nghiệp tư nhân A có tiền gửi tại Ngân hàng đủ theo quy định để dự thầu. Do đó, Sở G tỉnh Trà Vinh không chấp nhận tài liệu này của Doanh nghiệp tư nhân A còn giá trị là có căn cứ.

[5]. Ngày 08/7/2016, Doanh nghiệp tư nhân A có nộp hồ sơ bổ sung cho hồ sơ dự thầu là Công văn số: 24/TB-CNVL02 ngày 07/7/2016 của Ngân hàng V về việc chấp nhận cho Doanh nghiệp vay 1.000.000.000 đồng để bổ sung cho hồ sơ dự thầu. Tuy nhiên, Công văn này phát sinh sau thời điểm mở thầu, làm thay đổi

cơ bản hồ sơ dự thầu ban đầu của nhà thầu, nên Sở G tỉnh Trà Vinh không chấp nhận tài liệu này là tài liệu bổ sung cho hồ sơ dự thầu ban đầu là có căn cứ.

[6]. Doanh nghiệp tư nhân A khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 200.000.000 đồng. Trong đó, số tiền 20.000.000 đồng cho các chi phí như: Tiền mua hồ sơ mời thầu, tiền làm thư bảo lãnh dự thầu, tiền sao y chứng thực, tiền làm xác nhận tài chính tại Ngân hàng, tiền thuê cán bộ làm hồ sơ dự thầu và xem xét hồ sơ trước khi đi dự thầu. Đây là chi phí bắt buộc đối với các nhà thầu muốn tham gia đấu thầu, nếu rớt thầu thì nhà thầu tự chịu chi phí này, nên Doanh nghiệp tư nhân A không có quyền yêu cầu Sở G tỉnh Trà Vinh bồi thường chi phí này.

[7]. Đối với số tiền 180.000.000 đồng, Doanh nghiệp tư nhân A cho rằng đây là khoảng lợi nhuận nếu như Doanh nghiệp trúng thầu. Do rớt thầu nên sẽ mất khoản lợi nhuận này. Tại cấp sơ thẩm, Doanh nghiệp tư nhân A không cung cấp chứng cứ chứng minh thiệt hại thực tế xảy ra. Theo quy định tại Điều 584, 585 Bộ luật dân sự, nguyên tắc bồi thường thiệt hại chỉ khi nào có thiệt hại thực tế xảy ra. Trong trường hợp này, số tiền mà Doanh nghiệp tư nhân A yêu cầu bồi thường chỉ là dự tính của Doanh nghiệp sẽ bị thiệt hại nếu không trúng gói thầu này, không phải là thiệt hại thực tế mà Doanh nghiệp phải chịu. Do chưa có thiệt hại thực tế xảy ra, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân A là có căn cứ.

[8]. Khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xem tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn là tổ chức, ông Nguyễn Văn B – Chủ doanh nghiệp tư nhân A làm đại diện. Tuy nhiên, khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm lại xem xét tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn chỉ là cá nhân ông Nguyễn Văn B nên miễn án phí cho ông Nguyễn Văn B - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân A là có thiếu sót. Việc thiếu sót của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm có thể khắc phục được.

[9]. Xét thấy, các thiếu sót nêu trên của Bản án sơ thẩm không làm thay đổi bản chất của vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, nên không cần thiết phải hủy án mà chỉ sửa án về án phí sơ thẩm và giới thiệu cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[10]. Đối với đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11]. Do đó, Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B; sửa Bản án dân sự sơ thẩm về án phí.

[12]. Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân A không được chấp nhận, nên ông B phải chịu án phí sơ thẩm 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Mặc dù tại thời điểm xét xử phúc thẩm Doanh nghiệp tư nhân A đã chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn A, nhưng khi xét xử sơ thẩm vẫn là Doanh nghiệp tư nhân A. Do đó, vẫn buộc ông Nguyễn Văn B chịu án phí sơ thẩm.

[13]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông B được nhận lại 300.000 đồng (Ba

trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số: 0002748 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân A

Sửa Bản án số: 56/2018/DSST ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân T.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân A về việc yêu cầu bị đơn Sở G tỉnh Trà Vinh bồi thường thiệt hại số tiền 200.000.000 đồng.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B – Đại diện Doanh nghiệp Tư nhân A không được chấp nhận, nên ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), được khấu trừ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0014337 ngày 08/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự T. Ông Nguyễn Văn B – Đại diện Doanh nghiệp Tư nhân A phải nộp thêm 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông B được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số: 0002748 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự T.

3. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật khi hết thời hiệu kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND T;
- THA T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tống Văn Viên